

LỜI MỞ ĐẦU

Thị trường ngoại hối Việt Nam tuy đã được hình thành song còn ở mức sơ khai và chưa phát triển. Các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối còn nghèo nàn, đại đa số các NH chỉ tiến hành nghiệp vụ giao ngay phục vụ khách hàng trong việc thanh toán và kinh doanh tiền gửi trên thị trường quốc tế, chưa kinh doanh ngoại tệ kiếm lời một cách thực sự và chú trọng đến việc phòng ngừa rủi ro thông qua các công cụ ngoại hối phái sinh như hợp đồng kì hạn và hợp đồng hoán đổi.

Trên thị trường ngoại hối quốc tế, các nghiệp vụ kinh doanh đã đạt đến một trình độ cao, ngoài giao dịch giao ngay còn bao gồm:

- Giao dịch kì hạn
- Giao dịch tương lai
- Giao dịch hoán đổi
- Giao dịch quyền chọn.

Trong đó giao dịch hoán đổi được sử dụng như một công cụ chuyên nghiệp trong việc phòng ngừa rủi ro tỉ giá cũng như kinh doanh ngoại hối kiếm lời. Tại Việt Nam, do thị trường ngoại hối chưa hoàn thiện và còn kém phát triển cho nên các sản phẩm tài chính trên thị trường rất hạn chế và chật hẹp. Các công cụ ngoại hối phái sinh như giao dịch hoán đổi tuy đã được sử dụng nhưng rất ít và hiệu quả không cao, các NHTM chỉ sử dụng nó với tư cách là một biện pháp mang tính tạm thời với NHNN khi quá thiếu vốn VND. Mặc dù không thể phủ nhận rằng, nghiệp vụ này mang lại rất nhiều lợi ích cho các chủ thể khác nhau trên thị trường ngoại hối, đặc biệt phù hợp trong điều kiện của Việt Nam hiện nay khi mà các hoạt động kinh doanh XNK đang trên đà phát triển, các hoạt động đầu tư, tín dụng ngày một khởi sắc. Việc sử dụng một công cụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá, bảo đảm an toàn vốn mặt khác có thể xử lí trạng thái luồng tiền, gia tăng vốn ngắn hạn tạm thời mà không làm gia tăng những rủi ro kèm theo như hoán đổi ngoại hối là hết sức cần thiết. Song tại Việt Nam, đây còn là một nghiệp vụ khá mới mẻ. NHNN đã ra quyết định cho phép các NHTM, được phép tiến hành giao dịch hoán đổi với nhau và với khách hàng cũng

Hoán đổi ngoại tệ**GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng**

như là tiến hành với NHNN. Tuy nhiên thực tế quá trình tiến hành giao dịch còn nhiều yếu kém.

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HOÁN ĐỔI

1.1 Khái niệm

Có nhiều loại hoán đổi khác nhau nên khó có thể đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh, nói chung một hoán đổi là một sản phẩm phái sinh tài chính bao gồm hai bên giao dịch thực hiện một chuỗi các thanh toán cho bên còn lại vào những ngày cụ thể.

1.2 Các loại hoán đổi

Dựa trên trạng thái của hàng hóa cơ sở thì có tất cả bốn loại hoán đổi cơ bản

Hoán đổi tiền tệ: là chuỗi các thanh toán giữa hai bên mà cả hai tập hợp thanh toán đều dựa trên những đồng tiền khác nhau. Các khoản thanh toán này tương đương với các khoản thanh toán tiền lãi bởi vì chúng được tính toán như thể lãi suất được chi trả trên một số vốn khái toán cụ thể.

Hoán đổi lãi suất: là chuỗi các thanh toán tiền lãi giữa hai phía. Mỗi tập hợp thanh toán được dựa trên lãi suất cố định hoặc thả nổi

Hoán đổi chứng khoán: trong một hoán đổi chứng khoán tối thiểu một trong hai dòng tiền được xác định bởi giá của một chứng khoán, giá trị của một danh mục chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán. Dòng tiền còn lại có thể được xác định bởi lãi suất cố định, lãi suất thả nổi chẳng hạn như LIBOR hoặc được xác định bởi giá trị của một chứng khoán, danh mục chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán khác.

Hoán đổi hàng hóa: tối thiểu một khoản thanh toán phải được dựa vào giá cả của hàng hóa như dầu lửa, vàng. Khoản thanh toán còn lại thường được cố định nhưng cũng có thể được xác định dựa trên một vài loại tài sản có giá biến động.

1.3 Các thuật ngữ được sử dụng trong một giao dịch hoán đổi

Các hoán đổi luôn có một ngày bắt đầu, một ngày kết thúc và những ngày thanh toán

Ngày thanh toán: là ngày mà việc thanh toán được thực hiện.

Kỳ thanh toán: là khoảng thời gian giữa các lần thanh toán.

Không có các khoản thanh toán trước bằng tiền mặt từ một bên này cho bên kia.

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

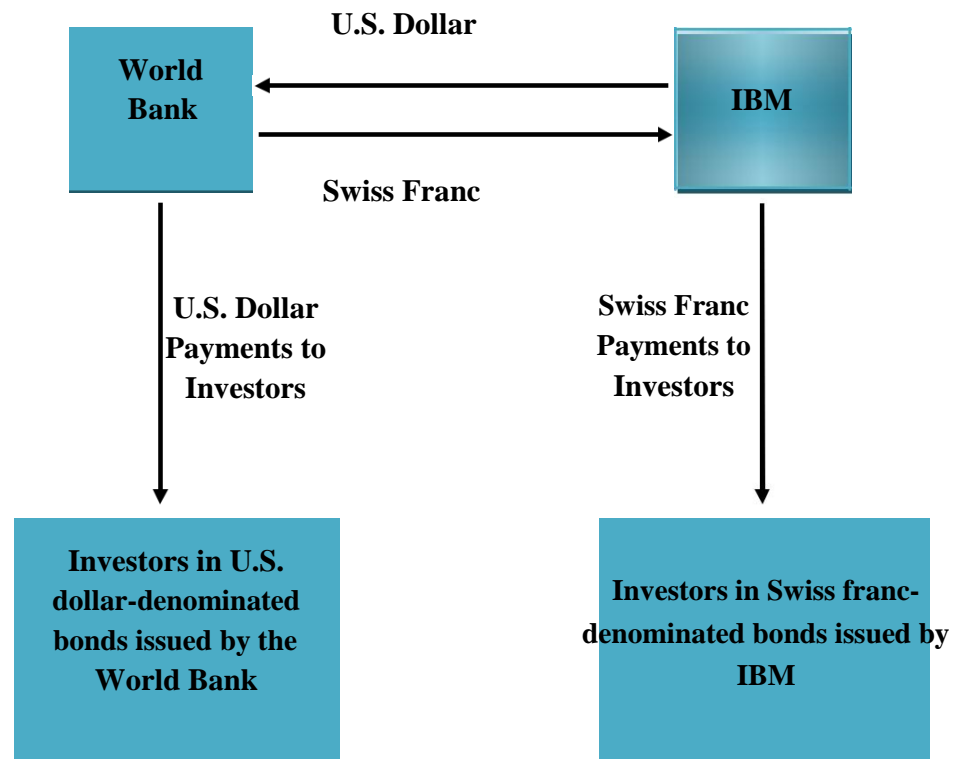
Mỗi hoán đổi được cụ thể hóa bởi một số tiền giao dịch được gọi là vốn khái toán (notional principal).

Các hoán đổi được chi tiết hóa một cách riêng biệt, nó là các công cụ OTC. Do đó hai bên tham gia thông thường bao gồm một nhà giao dịch, là một định chế tài chính cung cấp các hoán đổi trên thị trường và một người sử dụng cuối cùng. Khách hàng của nhà giao dịch thường là một doanh nghiệp, một quỹ hưu bổng, quỹ phòng ngừa rủi ro hoặc là một tổ chức nào đó. Đương nhiên, hoán đổi giữa các nhà giao dịch lẫn nhau cũng rất phổ biến.

1.4 Hoán đổi tiền tệ**1.4.1 Lịch sử của hoán đổi tiền tệ**

Hoán đổi tiền tệ ban đầu được hình thành vào những năm 1970 để phá vỡ kiểm soát ngoại hối ở Vương quốc Anh. Vào thời điểm đó, các công ty của Anh đã phải trả một khoản tiền cho vay bằng đô la Mỹ. Để tránh điều này, các công ty của Anh thiết lập các thỏa thuận vay trở lại với các công ty Mỹ có nhu cầu vay Sterling (đồng bảng Anh ngoài khu vực).

Năm 1981, hoán đổi tiền tệ diễn ra giữa Ngân hàng Thế giới và IBM. WB muốn có franc Thụy Sĩ và nhãn hiệu của Đức bằng cách trao đổi lưu chuyển tiền tệ với IBM. Thỏa thuận này được môi giới bởi Salomon Brothers với một số lượng danh nghĩa của \$ 210 triệu USD và thời hạn của hơn mười năm.



World Bank-IBM Swap

1.4.2 Khái niệm

Hoán đổi tiền tệ là một chuỗi các thanh toán giữa hai bên mà cả hai tập hợp thanh toán đều dựa trên những đồng tiền khác nhau.

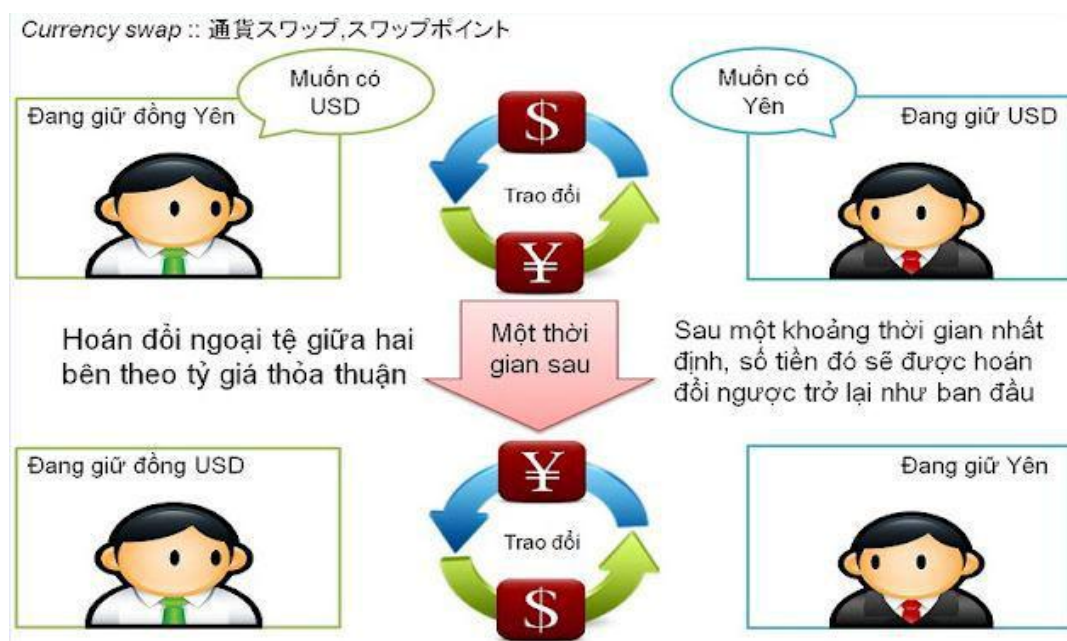
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ là một hợp đồng trao đổi những đồng tiền khác nhau, sau một khoảng thời gian nhất định số tiền đó sẽ được hoán đổi ngược trở lại như ban đầu. Một hợp đồng hoán đổi tiền tệ bao giờ được cấu thành từ 2 phần, bắt đầu là một vụ trao đổi tiền tệ (nhánh ngắn), và kết thúc bằng việc thực hiện một hợp đồng kì hạn.

Hoán đổi tiền tệ có thể là hợp đồng ngắn hạn hoặc dài hạn, thời hạn của nó có thể kéo dài đến 10 năm hoặc hơn. Không giống như vay giáp lưng, theo luật kế toán của

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

một số nước, hợp đồng hoán đổi tiền tệ không được coi là một khoản vay, do đó nó không phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

**1.4.3 Các loại hoán đổi tiền tệ**

Có tất cả bốn loại hoán đổi tiền tệ:

Thanh toán cả hai đồng tiền theo lãi suất cố định.

Cả hai thanh toán theo lãi suất thả nổi.

Thanh toán đồng tiền đầu tiên theo lãi suất thả nổi và đồng tiền thứ hai theo lãi suất cố định.

Thanh toán đồng tiền đầu tiên theo lãi suất cố định và đồng tiền thứ hai theo lãi suất thả nổi.

1.4.4 Cấu trúc của một cấu trúc tiền tệ chuẩn

Ví dụ :

Reston thực hiện 1 hoán đổi tiền tệ với GSI theo nội dung công ty sẽ thực hiện một chuỗi các thanh toán tiền lãi mỗi nửa năm bằng Euro cho GSI với lãi suất 4,35% / năm, dựa trên số vốn khái toán là 10 triệu Euro.

Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

GSI sẽ trả cho Reston tiền lãi mỗi nửa năm bằng đồng USD với lãi suất 6,1%/năm trong vòng 2 năm, dựa trên số vốn khái toán là 9,804 triệu USD. Hai bên sẽ trao đổi vốn khái toán vào thời điểm bắt đầu và kết thúc của giao dịch.

Ta có:

Vào ngày bắt đầu hoán đổi:

Reston trả cho GSI 9,804 triệu đôla

GSI trả cho Reston 10 triệu euro

Mỗi sáu tháng trong vòng hai năm

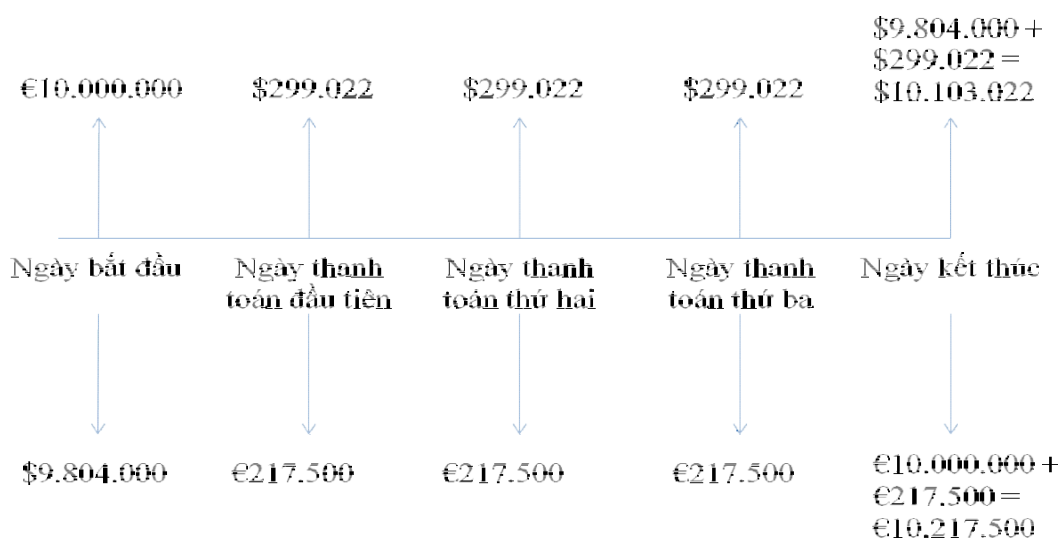
Reston trả cho GSI: $0,0435 \times (180/360) \times €10.000.000 = €217.500$

GSI trả cho Reston: $0,061 \times (180/360) \times \$9.804.000 = \$299.022$

Vào ngày kết thúc của hoán đổi

Reston trả cho GSI 10 triệu euro

GSI trả cho Reston 9,804 triệu đôla.



Dòng tiền của một hoán đổi tiền tệ từ quan điểm của Reston

1.4.5 Những điểm khác biệt giữa hoán đổi lãi suất và hoán đổi tiền tệ

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

Hoán đổi lãi suất dòng thanh toán chỉ tính trên một đồng tiền duy nhất, còn hoán đổi tiền tệ được tính toán dựa trên hai đồng tiền khác nhau.

Trong một hoán đổi tiền tệ có hai vốn khoái toán, mỗi số vốn được định danh bằng một trong hai đồng tiền. Còn trong hoán đổi lãi suất chỉ có một vốn khoái toán.

Trong hoán đổi lãi suất, số vốn khoái toán không bao giờ được thanh toán, còn hoán đổi tiền tệ số vốn khoái toán có thể được trao đổi vào thời điểm bắt đầu hoặc kết thúc đời sống của hoán đổi tùy theo yêu cầu của các bên.

1.4.6 Định giá và giá trị hoán đổi tiền tệ**1.4.6.1 Các ký hiệu và công thức**

NP_f số vốn khoái toán định danh bằng đồng ngoại tệ

NP_h số vốn khoái toán định danh bằng đồng nội tệ tỷ

S_0 giá hối đoái tại thời điểm bắt đầu hoán đổi

S_t tỷ giá hối đoái tại thời điểm kết thúc hoán đổi

R_f lãi suất cố định của hoán đổi lãi vanilla thuần nhất định danh bằng đồng ngoại tệ

R_h lãi suất cố định của hoán đổi lãi vanilla thuần nhất định danh bằng đồng ngoại tệ

() giá trị của khoản thanh toán cố định (thả nổi) của số vốn khoái toán định danh bằng đồng ngoại tệ

V (V) giá trị của khoản thanh toán cố định (thả nổi) của số vốn khoái toán định danh bằng đồng nội tệ

q = số ngày/360

() lãi suất LIBOR n ngày vào ngày t
B giá chiết khấu của trái phiếu zero coupon với lãi suất L (n)

Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

$$\begin{aligned}
 &= \frac{1}{1 + r} + \frac{1 - r}{\Sigma} \dots \quad (1) \\
 &= \frac{1 + () *}{\dots} \quad (2) \\
 &= * * () + () \quad (3)
 \end{aligned}$$

1.4.6.2 Định giá một hoán đổi tiền tệ

Ta thấy rằng, việc hoán đổi tiền tệ cũng giống như việc một công ty phát hành một trái phiếu định danh bằng đồng tiền này, lấy số tiền đó mua lại một trái phiếu của một công ty khác định danh bằng đồng tiền khác. Trong thời gian còn hiệu lực của trái phiếu, công ty sẽ phải nhận lãi bằng đồng tiền này và trả lãi bằng đồng tiền kia. Nhưng sự thật thì công ty không hề phát hành hay mua bất kỳ một trái phiếu nào. Các công ty thực hiện giao dịch hoán đổi nhưng việc thanh toán lại diễn ra giống như giao dịch trái phiếu.

Hoán đổi tiền tệ là một giao dịch với hai dòng tiền tệ, một dòng tiền bằng đồng tiền này và dòng tiền còn lại bằng một đồng tiền khác. Mỗi dòng tiền dựa trên một số vốn khoán toán khác nhau và mỗi dòng tiền có thể có lãi suất cố định hay thả nổi. Để xác định giá trị của hoán đổi tiền tệ chúng ta phải tìm được hiện giá của hai dòng tiền này, cả hai được tính bằng một đồng tiền chung. Chúng ta lấy giá trị dòng tiền vào trừ cho giá trị của dòng tiền ra.

Trong hoán đổi vanilla thuần nhất, chúng ta không hoán đổi vốn khoán toán nhưng trong hoán đổi tiền tệ thì hoán đổi vốn khoán toán có xảy ra. Hai bên giao dịch hoán đổi NP_f và NP_h vào thời điểm bắt đầu. Hoán đổi này không có giá trị vì hai khoản tiền này là tương đương (NP_f = NP_h / S₀). Khi hoán đổi kết thúc, các bên sẽ đảo ngược lại

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

hoán đổi vốn khoái toán ban đầu. Tuy nhiên, tại thời điểm này thì tỷ giá giao ngay không còn là S_0 nữa vì vậy mà hoán đổi vốn khoái toán không còn giá trị tương đương.

Trong hoán đổi, giả dụ rằng việc thanh toán được thực hiện bằng đồng nội tệ và đồng ngoại tệ, trước hết chúng ta phải xác định lãi suất cố định của một đồng tiền nào đó (ngoại tệ hoặc nội tệ) mà nó làm cho hiện giá của khoản thanh toán bằng với số vốn khoái toán cơ bản (1 đồng nội tệ hoặc ngoại tệ). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng lãi suất cố định của một hoán đổi lãi suất vanilla thuần nhất sử dụng cấu trúc kỳ hạn của ngoại tệ hay nội tệ.

Mặc dù giá trị của hoán đổi bằng 0 vào thời điểm bắt đầu nhưng sau đó giá trị của nó sẽ thay đổi. Giá trị của hoán đổi tiền tệ được xác định bằng cách tìm hiện giá của hai dòng thanh toán trên một đơn vị khoái toán. Sau đó chúng ta sẽ điều chỉnh giá trị của dòng thanh toán ngoại tệ bằng vốn khoái toán thực tế theo ngoại tệ và sau đó chuyển sang nội tệ theo tỷ giá hối đoái mới.

Ví dụ minh họa: ta có thể tóm tắt giao dịch hoán đổi giữa công ty XYZ và Ngân hàng ACB như sau:

$$NP_f = 100.000 \text{ USD}$$

$$NP_h = 2.100.000.000 \text{ VND}$$

$$S_0 = 21.000 \text{ VND/1USD}$$

$$S_t = 21.050 \text{ VND/1USD}$$

$$q = 180/360$$

Các bước thực hiện**Bước 1: Tìm lãi suất cố định của hai đồng tiền**

Các cấu trúc kỳ hạn, giá trái phiếu chiết khấu và kết quả lãi suất cố định của hoán đổi được cho như sau:

Kỳ hạn	Lãi suất của USD	Giá trái phiếu chiết khấu ()
---------------	-------------------------	-------------------------------

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

180 ngày	4,2%	$1/(1+4,2\%*(180/360)) = 0,9747$
360 ngày	4,2%	$1/(1+4,2\%*(360/360)) = 0,9506$
540 ngày	5%	$1/(1+5\%*(540/360)) = 0,9302$
720 ngày	5,3%	$1/(1+5,3\%*(720/360)) = 0,9042$

Kỳ hạn	Lãi suất của VND	Giá trái phiếu chiết khấu ()
180 ngày	12,1%	$1/(1+12,1\%*(180/360)) = 0,9430$
360 ngày	12,3%	$1/(1+12,3\%*(360/360)) = 0,8905$
540 ngày	13%	$1/(1+13\%*(540/360)) = 0,8368$
720 ngày	13,5%	$1/(1+13,5\%*(720/360)) = 0,7874$

Bước 2: Định giá hoán đổi tiền tệ trong suốt đời sống của nó

Hoán đổi của XYZ – ACB sau khi thực hiện được ba tháng (90 ngày), cấu trúc kỳ hạn mới và giá của trái phiếu zero-coupon của các đồng tiền:

Kỳ hạn	Lãi suất của USD	Giá trái phiếu chiết khấu ()
90 ngày	4,4%	$1/(1+4,4\%*(90/360)) = 0,9891$
270 ngày	4,5%	$1/(1+4,5\%*(270/360)) = 0,9674$

Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

450 ngày	4,9%	$1/(1+4,9\%*(450/360)) = 0,9423$
630 ngày	5,8%	$1/(1+5,8\%*(630/360)) = 0,9079$
$= 1,0099$		
$= 1,0050$		

Kỳ hạn	Lãi suất của VND	Giá trái phiếu chiết khấu ()
90 ngày	12,1%	$1/(1+12,1\%*(90/360)) = 0,9706$
270 ngày	12,4%	$1/(1+12,4\%*(270/360)) = 0,9149$
450 ngày	13,1%	$1/(1+13,1\%*(450/360)) = 0,8593$
630 ngày	13,7%	$1/(1+13,7\%*(630/360)) = 0,8066$
$= 1,0293$		
$= 1,0250$		

Giá trị số vốn khái toán thực tế của hoán đổi:

	USD	VND
Thả nổi	$100.000 * 1,0099 = 100.990$	$2.100.000.000 * 1,0293 = 2.161.530.000$

Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

Cố định	$100.000 * 1,0050 = 100.500$	$2.100.000.000 * 1,0250 = 2.152.500.000$
----------------	------------------------------	--

Giá trị thuần của hai dòng tiền thực tế được chuyển giá trị của hai dòng tiền về một dòng tiền chung:

		USD	
		Thả nổi	Cố định
VND	Thả nổi	$2.161.530.000/21.050 - 100.990 = 1.695,51 \text{ USD}$	$2.161.530.000/21.050 - 100.500 = 2.185,51 \text{ USD}$
	Cố định	$2.152.500.000/21050 - 100990 = 1.266,53 \text{ USD}$	$2.152.500.000/21050 - 100.500 = 1.756,53 \text{ USD}$

1.5 Ứng dụng hoán đổi tiền tệ

Có thể thấy ứng dụng của giao dịch hoán đổi trong thực tế vô cùng phong phú và đa dạng, tùy điều kiện cụ thể mà mỗi nhóm chủ thể trên tham gia giao dịch hoán đổi với một hoặc nhiều mục đích khác nhau nhưng đều dựa trên đặc trưng của loại hình giao dịch này nhằm tránh được rủi ro tỉ giá.

1.5.1 Tuần hoàn trạng thái luồng tiền trong thanh toán quốc tế

Đối với các nhà XNK, việc bỏ vốn ra bằng đồng tiền này và thu về đồng tiền khác nếu không cân đối sẽ tạo ra trạng thái ngoại hối ròng và phát sinh rủi ro nếu tỉ giá tăng trong khi chuẩn bị phải thanh toán một hợp đồng nhập khẩu bằng ngoại tệ và ngược lại, nếu tỉ giá giảm khi một hợp đồng xuất khẩu sắp đến hạn.

Trong thực tế, họ sử dụng hợp đồng mua bán ngoại tệ kì hạn một chiều (Outright forward), đến hạn cùng thời điểm giao hàng nhằm bảo hiểm cho các khoản thu chi trong kế hoạch. Họ chỉ sử dụng giao dịch hoán đổi ngoại hối trong các trường hợp.

Thứ nhất, trong hoạt động kinh doanh tổng hợp xuất – nhập khẩu, nếu có luồng tiền vào và ra đối với cùng một đồng tiền vào các thời điểm khác nhau, một hợp đồng

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

hoán đổi ngoại hối kì hạn – kì hạn cũng tương đương với hai hợp đồng kì hạn riêng biệt ngược chiều và có giá trị bằng nhau.

Thứ hai, không phải lúc nào việc giao hàng cũng đúng hẹn, đôi khi sớm hơn hoặc muộn hơn thoả thuận, làm phát sinh rủi ro lãi suất. Nghiệp vụ hoán đổi ngoại hối được sử dụng để tuân hoàn trạng thái tiền tệ trong khoảng thời gian chênh lệch đó.

 **Kéo dài trạng thái tiền tệ**

Ví dụ: Công ty Toyota Việt Nam đã kí với Vietcombank một hợp đồng kì hạn 3 tháng mua JPY để bảo hiểm cho khoản linh kiện nhập khẩu dự tính từ Nhật. Tuy nhiên tàu chở hàng sẽ đến muộn một tháng, lúc này công ty phải xử lí rủi ro lãi suất, đồng thời kéo dài trạng thái JPY thêm 1 tháng mà không sợ rủi ro tỉ giá. Toyota có thể kí thêm một hợp đồng hoán đổi với VCB, trong đó công ty bán số JPY cho VCB tại thời điểm hợp đồng kì hạn cũ đáo hạn và mua lại sau 1 tháng để thanh toán cho hợp đồng nhập khẩu. Các luồng tiền và trạng thái ngoại hối có thể biểu diễn đơn giản như sau:

Thời điểm	Giao dịch	Trạng thái luồng tiền		Trạng thái ngoại hối	
		USD	VND	USD	VND
Hợp đồng kì hạn đến hạn	Trạng thái đầu ngày	+	-		
	Vé bán giao ngay USD	-	+	-	+
	Vé mua kỳ hạn USD			+	-
	Trạng thái cuối ngày	0	0	0	0
Sau 1 tháng	Thực hiện mua kỳ hạn USD	+	-		
	Trạng thái cuối ngày	+	-	0	0

Nhìn vào bảng ta thấy, trạng thái ngoại hối và trạng thái luồng tiền sau 1 tháng là giống như trạng thái đầu ngày hôm nay. Nói khác đi chúng ta sử dụng nghiệp vụ hoán

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

đổi để tuân hoàn trạng thái tiền tệ và trạng thái ngoại hối của các đồng tiền. Nếu trong trường hợp trên thay vì nhập khẩu công ty xuất khẩu một lô hàng và nhận được khoản thanh toán hàng xuất khẩu trước hạn công ty cũng có thể áp dụng giao dịch hoán đổi ngoại hối tương tự .

🚦 Rút ngắn trạng thái tiền tệ

Các hợp đồng hoán đổi cũng được sử dụng để rút ngắn thời hạn các luồng tiền . Nếu ở trên công ty Toyota xuất khẩu 1 lô hàng và kí hợp đồng bán kì hạn JPY 3 tháng với VCB nhằm bảo hiểm cho khoản thu xuất khẩu. Theo dự tính, còn 1 tháng nữa công ty mới được thanh toán, nhưng hôm nay công ty đã nhận được khoản tiền hàng . Do đó công ty muốn rút ngắn kì hạn hợp đồng kì hạn ngay ngày hôm nay, nghĩa là xử lí sao cho không có bất cứ luồng tiền nào xảy ra tại thời điểm sau 1 tháng, khi hợp đồng kì hạn đáo hạn . Công ty liền tiến hành 1 giao dịch swap ngay thời điểm ngày hôm nay, trong đó bán giao ngay JPY và mua lại kì hạn 1 tháng lượng JPY đó. Như vậy, thông qua nghiệp vụ hoán đổi các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu có thể kéo dài hay rút ngắn trạng thái các tiền tệ. Do tỉ giá giao ngay ảnh hưởng không đáng kể tới giá trị kinh tế của hợp đồng hoán đổi nên ngân hàng và khách hàng có thể thoả thuận áp dụng tỉ giá giao ngay trong hợp đồng kì hạn cũ cho hợp đồng hoán đổi, nhằm đơn giản hoá các khoản thanh toán, nhất là khi tỉ giá giao ngay trên thị trường có nhiều biến động.

Thời điểm	Giao dịch	Trạng thái luồng tiền		Trạng thái ngoại hối	
		USD	VND	USD	VND
Trước tháng	Vé bán giao ngay USD	-	+	-	+
	Vé mua kỳ hạn USD			+	-
	Trạng thái cuối ngày	-	+	0	0
Hợp đồng kỳ hạn đến	Trạng thái đầu ngày	-	+		
	Thực hiện mua kỳ hạn	+	-		

Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

hạn	USD				
	Trạng thái cuối ngày	0	0	0	0

1.5.2 Ứng dụng trong các khoản đầu tư quốc tế

Khi thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối không hoàn toàn đồng nhất, nhà đầu tư có thể tăng thu nhập khi chuyển đổi đồng tiền đầu tư, và họ có thể áp dụng giao dịch hoán đổi ngoại hối thay cho một giao dịch mua giao ngay và một bán kì hạn đồng tiền đầu tư. Nếu giá trị bán ra không bằng giá trị mua vào mà gồm cả khoản lãi thì gọi là giao dịch đầu tư hoán đổi (investment swap). Phương thức này nhiều khi có lợi do tránh được qui chế và phí tín dụng.

Ví dụ: Tỷ giá giao ngay trên thị trường $S_{(USD/JPY)} = 104,95 - 105,05$

$$R_{JPY} = 2,2 - 2,8\%/năm$$

$$R_{USD} = 6,0 - 6,5\%/năm$$

$$F_{3t} (USD/JPY) = 104,40-104,70$$

Sau khi tính toán các mức tỷ giá giao ngay, kì hạn và chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền, nhà đầu tư quyết định đầu tư bằng đồng USD bằng khoản vốn gốc JPY . Qui trình bảo hiểm khoản thu thông qua giao dịch hoán đổi mua giao ngay 1 USD và bán kì hạn gốc cùng lãi của 1 USD đó sau 3 tháng như sau:

Thời điểm	Nghiệp vụ giao dịch	Trạng thái luân tiền		Tỷ giá
		USD	JPY	Lãi suất
Hôm nay	1. Đi vay JPY		+105,5	2,8%
	2. Vẽ mua giao ngay USD	+1	-105,5	105,05

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

	3. Đầu tư USD	-		6%
	Trạng thái cuối ngày	0	0	
Sau 3 tháng	4. Thu về gốc+lãi USD	+1,015		
	5. Vẽ bán kỳ hạn USD	-1,015	+105,97	104,40
	6. và Trả gốc lãi JPY		-105,79	
	Trạng thái ròng		+0,18	

Quan sát ta thấy kết quả cuối cùng cho trạng thái luồng tiền JPY ròng là dương 0,18 JPY. Cho thấy sức hấp dẫn của giao dịch hoán đổi đối với các nhà đầu tư quốc tế là nó có thể mang lại mức lãi suất cao hơn và nó có thể phòng ngừa được rủi ro về tỉ giá.

1.6 Những rủi ro của giao dịch hoán đổi tiền tệ

Hoán đổi tiền tệ về bản chất là một nghiệp vụ ngoại hối phái sinh, và được tiến hành giao dịch trên thị trường ngoại hối. Tuy nhiên bên cạnh đó, còn có rất nhiều nghiệp vụ hoán đổi khác đã ra đời như hoán đổi lãi suất, hoán đổi hàng hoá, hoán đổi chỉ số chứng khoán....Chúng là các sản phẩm phái sinh về ngoại hối, lãi suất, hàng hoá hay chứng khoán...nghĩa là mức giá cả của chúng biến động phụ thuộc vào tỉ giá, lãi suất, giá hàng hoá hay một số chỉ số khác...Ngoài những ứng dụng vào thực tế giúp nhà đầu tư quản trị được rủi ro của họ, giao dịch hoán đổi cũng tồn tại những hạn chế nhất định.

1.6.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng trong giao dịch hoán đổi ngoại hối là khi về giao dịch kì hạn bị huỷ bỏ không thực hiện, trạng thái luồng tiền không được xử lí, trạng thái ngoại hối ròng phát sinh, buộc ngân hàng phải nhanh chóng cân đối bằng một nghiệp vụ kì hạn một chiều hoặc giao ngay tương ứng. Rủi ro lãi suất thì có thể xử lí thông qua thị trường tiền tệ hoặc thị trường ngoại hối, nhưng rủi ro tín dụng chỉ có thể xử lí bằng các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối mà thôi.

1.6.2 Rủi ro về giá

Ngoài ra, trong giao dịch hoán đổi ngoại hối cũng còn tồn tại rủi ro về giá, nghĩa là khả năng tỉ giá giao ngay trên thị trường vào thời điểm hợp đồng đáo hạn không biến động đúng như dự tính, và chênh lệch với tỉ giá kì hạn hoán đổi thoả thuận trong hợp đồng theo chiều hướng bất lợi cho ngân hàng. Tuy nhiên trên các thị trường tài chính phát triển, sự liên kết chặt chẽ giữa thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối, cùng với các hoạt động kinh doanh chênh lệch lãi suất có bảo hiểm luôn đưa thị trường về trạng thái cân bằng và rủi ro này hầu như không có.

1.7 Lợi ích

Sử dụng hợp đồng hoán đổi có thể hạ thấp chi phí vay vốn cho các thành viên tham gia bằng nhiều cách như tận dụng ưu thế tương đối trong vay vốn, hạ thấp chi phí thông qua phòng ngừa rủi ro, khai thác sự chênh lệch thuế khóa.

1.7.1 Tận dụng ưu thế tương đối

Sự không hoàn hảo của thị trường gây ra sự chênh lệch chi phí vay vốn ở các thị trường khác nhau. Chẳng hạn, trên thị trường vốn nội địa các công ty trong nước thường có ưu thế tương đối hơn các công ty nước ngoài, do đó, có thể vay vốn với chi phí thấp hơn các công ty nước ngoài. Hơn nữa, sự đánh giá của ngân hàng và thị trường về uy tín trong vay vốn của các khách hàng vay cũng thường khác nhau. Điều này kích thích việc sử dụng hợp đồng hoán đổi để tận dụng ưu thế tương đối của từng khách hàng trong quan hệ vay vốn. Ví dụ nhờ có quan hệ tốt, công ty A có thể vay USD từ Ngân hàng A trong khi công ty B có thể vay JPY từ Ngân hàng B thấp 50 điểm so với lãi suất thị trường. Mặt khác công ty A đang cần JPY trong khi công ty B lại cần USD. Trong hoàn cảnh này, công ty A nên vay từ Ngân A và công ty B nên vay từ Ngân hàng B, sau đó sử dụng hợp đồng hoán đổi để có được đồng tiền mong đợi nhưng với một chi phí thấp hơn.

1.7.2 Hạ thấp chi phí thông qua phòng ngừa rủi ro

Phòng ngừa rủi ro có thể hạ thấp chi phí vay vốn bởi vì nó cắt giảm sự không chắc chắn của dòng tiền tệ và xác suất thay đổi bất lợi của tài sản có và tài sản nợ, và do đó làm cho công ty uy tín hơn trong vay mượn. Hơn nữa, nhờ có phòng ngừa rủi ro và gia

Hoán đổi ngoại tệ**GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng**

tăng uy tín nên công ty có thể vay vốn với số lượng lớn. Điều này cũng góp phần hạ thấp chi phí nhờ tận dụng ưu thế về qui mô (economies of scale).

1.7.3 Khai thác sự khác biệt về các qui định và thuế

Điều này có thể minh họa bằng ví dụ sau đây. Một công ty Nhật muốn phát hành trái phiếu có lãi suất cố định với thời hạn 10 năm nhưng chính phủ áp dụng thuế lợi tức và qui định chặt chẽ hơn nếu trái phiếu phát hành trên thị trường Nhật và bằng JPY, trong khi đó nếu phát hành Eurobond bằng USD thì không phải chịu thuế lợi tức và thủ tục đơn giản hơn. Hơn nữa, Eurobond bằng USD dễ được thị trường chấp nhận hơn là trái phiếu bằng JPY. Trong trường hợp này, công ty nên phát hành Eurobond để tận dụng những ưu thế của thị trường Eurobond và tiến hành hợp đồng hoán đổi để có được JPY như mong muốn.

CHƯƠNG II: THỰC TIỄN HOÁN ĐỔI TIỀN TỆ

2.1 Tập đoàn Carton với hợp đồng hoán đổi đô la thả nổi lấy Swiss Francs cố định

Thời điểm ban đầu

Carlton huy động \$10,000,000 bằng một khoản nợ với lãi suất thả nổi.

Carlton có dòng thu bằng đồng Swiss Francs (sales contract), vì vậy Carlton mong muốn thực hiện hợp đồng hoán đổi tiền tệ bằng việc hoàn trả bằng đồng Swiss Francs với lãi suất cố định.

Carlton ký kết hợp đồng có thời hạn 3 năm với điều kiện trả Swiss Francs và nhận về USD.

Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

Years	Euro-€		Swiss franc		U.S. dollar		Japanese yen	
	Bid	Ask	Bid	Ask	Bid	Ask	Bid	Ask
1	2.99	3.02	1.43	1.47	5.24	5.26	0.23	0.26
2	3.08	3.12	1.68	1.76	5.43	5.46	0.36	0.39
3	3.24	3.28	1.93	2.01	5.56	5.59	0.56	0.59
4	3.44	3.48	2.15	2.23	5.65	5.68	0.82	0.85
5	3.63	3.67	2.35	2.43	5.73	5.76	1.09	1.12
6	3.83	3.87	2.54	2.62	5.80	5.83	1.33	1.36
7	4.01	4.05	2.73	2.81	5.86	5.89	1.55	1.58
8	4.18	4.22	2.91	2.99	5.92	5.95	1.75	1.78
9	4.32	4.36	3.08	3.16	5.96	5.99	1.90	1.93
10	4.42	4.46	3.22	3.30	6.01	6.04	2.04	2.07
12	4.58	4.62	3.45	3.55	6.10	6.13	2.28	2.32
15	4.78	4.82	3.71	3.81	6.20	6.23	2.51	2.56
20	5.00	5.04	3.96	4.06	6.29	6.32	2.71	2.76
25	5.13	5.17	4.07	4.17	6.29	6.32	2.77	2.82
30	5.19	5.23	4.16	4.26	6.28	6.31	2.82	2.88
LIBOR	3.0313	3.0938	1.3125	1.4375	4.9375	5.0625	0.1250	0.2188

Note: Typical presentation by the *Financial Times*. Bid and ask spreads as of close of London business. US\$ is quoted against three-month LIBOR; Japanese yen against six-month LIBOR; euro and Swiss franc against six-month LIBOR.

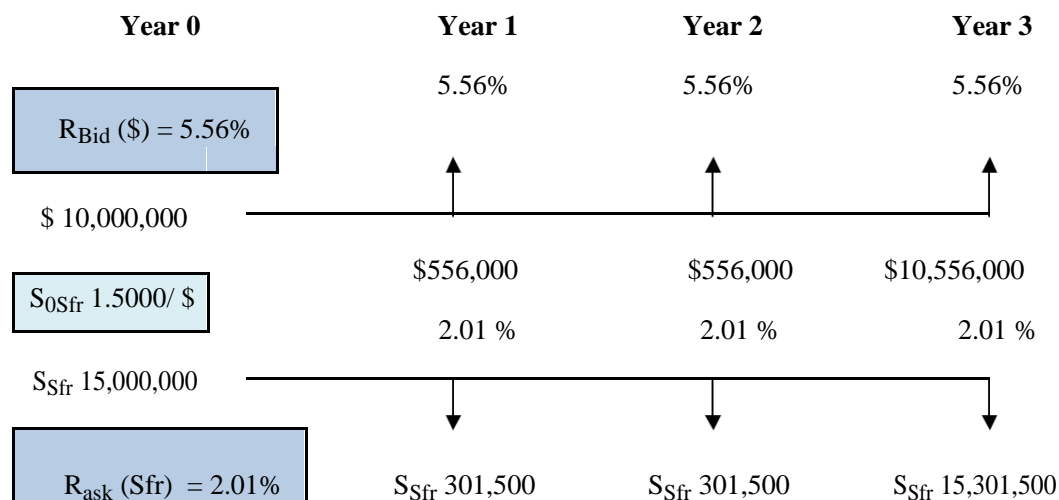
$NP_{\$} = \$10,000,000$

$S_{0Sfr} = 1.50000/\$$

$R_{ask}(Sfr) = 2.01\%$

$R_{Bid}(\$) = 5.56\%$

Carlton's Currency Swap: Pay Swiss Francs and Receive U.S.Dollars



Hoán đổi ngoại tệ

GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng

🇨🇦 Thời điểm tất toán hợp đồng trước hạn

Hoán đổi tiền tệ đòi hỏi tính toán duy trì một dòng tiền dưới dạng một hợp đồng hoán đổi với mức lãi suất hiện tại, sau đó sẽ quy đổi ra loại tiền mục tiêu (Swiss Francs) sang bản tệ của Carlton (USD).

Giả định sau 1 năm, hợp đồng bán hàng của Carlton hết hạn, Carlton sẽ chấm dứt hoặc mở rộng hoán đổi với thỏa thuận trước đó. Tại thời điểm tất toán hợp đồng hoán đổi, Carlton có 2 khoản phải trả trong hợp đồng hoán đổi là:

Lãi: 301,5000fr

Vốn và lãi: 15,301,500fr

Với lãi suất đối với Sfr là 2%, hiện giá dòng tiền ký kết của Carlton đối với Swiss Francs là:

$$= \frac{301,500}{(1.02)^1} + \frac{15,301,500}{(1.02)^1} = 15,002,912$$

Cùng thời điểm đó, hiện giá của dòng tiền duy trì đối với USD trong hợp đồng hoán đổi với lãi suất 5.5%.

$$(\$) = \frac{\$56,000}{(1.055)^1} + \frac{\$10,556,000}{(1.055)^1} = \$10,011,078$$

Vậy Hiện giá dòng tiền vào: PV(\$)

= \$10,001,078.

Hiện giá dòng tiền ra : PV(Sfr)

= Sfr 10,011,078

Tỷ giá giao ngay SSfr

= 1.4650/\$

$$= 10,011,078 - \frac{15,002,912}{1.4650} = -\$229,818$$

Giá trị sổ sách của hợp đồng hoán đổi lúc này là: (\$229,818), thể hiện việc hoán đổi này làm Carlton lỗ một khoản là \$229,818.

2.2 *Rủi ro đối tác*

Là khả năng một bên của hợp đồng tài chính khó thực hiện nghĩa vụ hợp đồng với những điều kiện của hợp đồng tại thời điểm hiện tại.

Là một trong những nhân tố chính dẫn đến việc sử dụng các hợp đồng phái sinh trên thị trường niêm yết chứ không phải thông qua thị trường OTC.

Hầu hết các sở giao dịch, chẳng hạn như Philadelphia Stock Exchange hay Chicago Mercantile Exchange đều là đối tác cho tất cả giao dịch.

Rủi ro thực tế nhất đối với một hoán đổi lãi suất hay tiền tệ không phải là khoản vốn khái toán mà là giá trị gắn với thị trường của những khoản chênh lệch thanh toán lãi suất.

2.3 *Kết luận*

Các công ty thường có nhu cầu nợ tại một vài thị trường, cho phép họ huy động vốn với mức lãi suất thấp hơn các thị trường khác.

Do vậy, ngày càng nhiều các công ty phải đối mặt với các nghĩa vụ nợ bằng những đồng tiền khác nhau mà không đúng với hoạt động thông thường của họ.

Kết quả của việc phát hành nợ thường đi kèm với các thỏa thuận hoán đổi.

2.4 *Liên hệ thực tiễn*

2.4.1 *Hoán đổi tiền tệ trên thế giới*

🚩 **Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008**, cơ cấu giao dịch hoán đổi tiền tệ được sử dụng bởi Hoa Kỳ thông qua Hệ thống Dự trữ Liên bang để thiết lập các giao dịch hoán đổi thanh khoản với ngân hàng trung ương. Mục đích của giao dịch hoán đổi thanh khoản của ngân hàng trung ương là "cung cấp thanh khoản bằng đô la Mỹ cho thị trường nước ngoài". Trong khi các ngân hàng trung ương giao dịch hoán đổi thanh khoản và hoán đổi tiền tệ có cấu trúc, hoán đổi tiền tệ cùng một giao dịch thương mại được thúc đẩy bởi lợi thế so sánh, trong khi tính thanh khoản của ngân hàng trung ương chính là các giao dịch hoán đổi tiền tệ của các khoản vay khẩn cấp bằng đồng đô la Mỹ trên thị trường nước ngoài.

Hoán đổi ngoại tệ**GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng**

🚩 **Trong tháng 5 năm 2011**, Charles Munger của Berkshire Hathaway Inc cáo buộc các ngân hàng đầu tư quốc tế tạo điều kiện lạm dụng thị trường của các chính phủ quốc gia. Ví dụ như Goldman Sachs đã giúp Hy Lạp huy động khoảng 1 tỷ đồng kinh phí thể hiện trên bảng cân đối kế toán năm 2002 thông qua một trao đổi tiền tệ, cho phép chính phủ để che giấu nợ.

🚩 **Ngày 29/12/2011**, Ấn Độ và Nhật Bản đã ký một thỏa thuận hoán đổi tiền tệ trị giá đến 15 tỉ USD nhằm thúc đẩy hợp tác tài chính song phương. Các giao dịch hoán đổi được kỳ vọng sẽ hỗ trợ đồng rupee của Ấn Độ vì đồng tiền này đang tiếp tục suy yếu so với đồng USD, khi khủng hoảng nợ công Châu Âu khiến xuất khẩu của Ấn Độ bị suy giảm đáng kể. Với thỏa thuận này, hai nước sẽ có thể đổi đồng tiền tệ quốc gia lấy đồng USD, cũng như được sử dụng quỹ dự trữ nước ngoài của nhau để làm giảm bớt các vấn đề về tiền mặt. Bước đi này mở ra cơ hội để các tập đoàn Ấn Độ có thể vay bằng yen với lãi suất thấp do ngân hàng Trung ương Nhật đã giữ lãi suất gần bằng 0 trong mười năm qua.

🚩 **Ngày 3/5/2012**, 10 thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và ba nước đối tác gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (Văn phòng Nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO)). Một trong những nhiệm vụ của AMRO là giám sát những ảnh hưởng có thể có của cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tới khu vực này. Cùng với việc nghiên cứu và tham vấn cho các chính phủ về các chính sách kinh tế và tài chính, AMRO sẽ có các nhiệm vụ khác như nghiên cứu khả năng hoán đổi tiền tệ mang tính phòng ngừa) đã quyết định tăng gấp đôi quỹ hoán đổi tiền tệ ngăn ngừa khủng hoảng tài chính từ 120 tỷ USD lên 240 tỷ USD. Theo đó, Nhật Bản sẽ tăng phần đóng góp lên 76,8 tỷ USD (chiếm 32% quỹ), ngang với nước đóng góp nhiều nhất là Trung Quốc.

Quyết định trên được đưa ra tại Hội nghị bộ trưởng tài chính và thống đốc ngân hàng ASEAN+3 lần thứ 15 diễn ra ở Manila (Philippin) khi các đại biểu đều nhất trí rằng, nền kinh tế ASEAN+3 vẫn duy trì được mức tăng trưởng, song đang phải chịu nhiều tác động từ tình trạng lạm phát gia tăng và đặc biệt là cuộc khủng hoảng nợ công ở Khu vực đồng euro (Eurozone). Theo Bộ trưởng Tài chính Hàn Quốc Park

Hoán đổi ngoại tệ**GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng**

Jaewan, ASEAN+3 có thể phải sử dụng tới quỹ hoán đổi tiền tệ lần đầu tiên nếu cuộc khủng hoảng ở Eurozone dẫn tới tình trạng rút vốn ồ ạt khỏi châu Á.

Quỹ hoán đổi tiền tệ nằm trong chương trình Đa phương hóa Sáng kiến Chiang Mai (CMIM), theo đó, khi xảy ra khủng hoảng, các nước gặp khó khăn có thể hoán đổi đồng nội tệ với đồng USD.

🚩 Ngày 19/06/2012, Đài truyền hình NHK của Nhật Bản cho biết, nhóm 5 nền kinh tế mới nổi gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi, gọi tắt là BRICS vừa đồng ý cung cấp cho nhau ngoại tệ trong trường hợp bất cứ thành viên nào trong nhóm hứng chịu tác động từ cuộc khủng hoảng nợ công ở khu vực các nước sử dụng đồng euro.

Các nhà lãnh đạo BRICS đã đạt được sự đồng thuận trên tại Hội nghị thượng đỉnh Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi G20 tại thành phố biển Los Cabos của Mexico. Biện pháp hoán đổi tiền tệ như vậy được xem là cần thiết để giúp những nước thiếu hụt ngoại tệ có ngoại tệ dùng can thiệp vào thị trường.

Ngoài ra, các nhà lãnh đạo BRICS còn xem xét việc thành lập một ngân hàng chung nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển ở châu Á cũng như ở những khu vực khác.

Các nước phát triển trong G20 cho biết, họ cảm thấy ấn tượng trước sự hợp tác ngày càng năng động của BRICS.

🚩 Kể từ khi có cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vào cuối năm 2008, Trung Quốc đã phát động một chiến dịch mạnh mẽ với mục tiêu “ngoại giao hoán đổi tiền tệ” và ký kết khoảng 20 hiệp định tương tự như trên trong vòng 4 năm qua với các nước trên thế giới, từ Argentina đến Australia và các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất với tổng trị giá ít nhất 1.500 tỷ Nhân dân tệ (238 tỷ USD) để thúc đẩy thương mại và đầu tư của Trung Quốc với các nền kinh tế đó. Các giao dịch hoán đổi tiền tệ là những bước đầu tiên để đồng nhân dân tệ chuyển đổi sang một đồng tiền toàn cầu

22/03/2012, Ngân hàng Trung ương Australia đã ký thỏa thuận hoán đổi tiền tệ trị giá 30 tỷ đô la Australia (31,2 tỷ USD) với Ngân hàng Trung ương Trung Quốc, thêm

Hoán đổi ngoại tệ

GVĐH: PGS. TS Trương Thị Hồng

ví dụ cho thấy quá trình quốc tế hóa của đồng nhân dân tệ và liên kết thương mại ngày càng tăng giữa 2 nước. Thỏa thuận sẽ thúc đẩy dòng chảy thương mại và đầu tư, đồng thời hỗ trợ thanh toán thương mại bằng nhân dân tệ

21/06/2012, Brazil và Trung Quốc nhất trí xây dựng một thỏa thuận hoán đổi đồng nội tệ giá trị 30 tỷ USD. Theo thỏa thuận, Brazil có thể rút từ Ngân hàng Trung ương Trung Quốc số tiền trên bằng đồng Nhân dân tệ và sử dụng như nguồn dự trữ hoặc thanh toán hoạt động thương mại, và Trung Quốc tương tự cũng có thể thực hiện điều đó với Ngân hàng Trung ương Brazil

Ngày 26/6/2012, Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Quốc gia Ukraine đã ký thỏa thuận hoán đổi tiền tệ với tổng giá trị 15 tỷ nhân dân tệ, tương đương 2,38 tỷ USD. Thỏa thuận có thời hạn ban đầu là 3 năm và có thể gia hạn nếu hai bên nhất trí.

2.4.2 Hoán đổi tiền tệ ở Việt Nam

Ở Việt Nam giao dịch hoán đổi chính thức ra đời từ khi Ngân hàng nhà nước ban hành Quy chế hoạt động giao dịch hối đoái kèm theo **Quyết định số 17/1998/QĐ-NHNN7 ngày 10/01/1998**. Theo quyết định này, giao dịch hoán đổi là giao dịch hối đoái bao gồm đồng thời cả hai giao dịch: giao dịch mua và giao dịch bán cùng một số lượng đồng tiền này với đồng tiền khác, trong đó kỳ hạn thanh toán của hai giao dịch khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại thời điểm ký hợp đồng.

Ngày 11/10/2001, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã quyết định rút ngắn thời gian thực hiện nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ (SWAP) xuống còn 1 ngày làm việc, giảm 3 ngày so với trước đây. Động thái này được đưa ra sau khi nhiều chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo họ chưa sử dụng được nghiệp vụ SWAP do thủ tục xét duyệt và thời gian chuyển tiền của Ngân hàng Trung ương kéo dài.

Tuy nhiên, quyết định trên chỉ áp dụng với các giao dịch hoán đổi ngoại tệ có giá trị đến 20 triệu USD. Trường hợp các giao dịch có giá trị trên 20 triệu USD, trong vòng 1 ngày làm việc, Vụ trưởng Vụ Chính sách Tiền tệ trình Thống đốc xem xét, quyết định.

Nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sử dụng từ ngày 17/7, nhằm hỗ trợ các ngân hàng trong trường hợp thiếu hụt tạm thời vốn khả dụng.

Hoán đổi ngoại tệ**GVDH: PGS. TS Trương Thị Hồng**

Thông tư số 02/2012/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày **27/02/2012**, Hướng dẫn giao dịch hối đoái giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Hiện tại có một số ngân hàng thương mại như BIDV, MHB, ACB... đã có giao dịch hoán đổi tiền tệ.